|  |  |
| --- | --- |
| HĐND TỈNH KON TUM  **THƯỜNG TRỰC HĐND** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 40 /BC-TTHĐND | *Kon Tum, ngày 04 tháng 12 năm 2020* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả qua giám sát chuyên đề của Thường trực và các Ban**

**của Hội đồng nhân dân tỉnh trong 6 tháng cuối năm 2020**

Thực hiện Thông báo số 54/TB-TTHĐND ngày 21/9/2020 của Thường trực HĐND tỉnh về nội dung, thời gian tổ chức Kỳ họp thứ 11 HĐND tỉnh Khóa XI; Thường trực HĐND tỉnh tổng hợp, báo cáo HĐND tỉnh kết quả chủ yếu qua giám sát chuyên đề của Thường trực và các Ban HĐND tỉnh trong 6 tháng cuối năm 2020. Cụ thể như sau:

**I. Thường trực HĐND tỉnh giám sát “Tình hình thực hiện Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND ngày 05/12/2011 của HĐND tỉnh về Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011- 2020, định hướng đến năm 2025 và các nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND”**

**1. Kết quả đạt được**

**1.1. Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết 37**

Thực hiện Nghị quyết số 37 và các Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết 37**[[1]](#footnote-1)**; UBND tỉnh và ngành Giáo dục-Đào tạo đã ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện*.* UBND các huyện, thành phố đã đưa một số chỉ tiêu giáo dục-đào tạo vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của cấp huyện hàng năm và giai đoạn 2011-2020.

**1.2. Kết quả triển khai các nội dung của Nghị quyết**

**- Triển khai các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết:** Trong 40 chỉ tiêu, có 19 chỉ tiêu đạt và vượt *(số chỉ tiêu đạt: 14 chỉ tiêu; số chỉ tiêu vượt: 05 chỉ tiêu)*; 20 số chỉ tiêu không đạt; 01 chỉ tiêu không đánh giá**[[2]](#footnote-2)**.

**- Quy hoạch mạng lưới trường, lớp học**

+ Đối với cấp mầm non và phổ thông: Đến nay, toàn tỉnh có 464 trường/6.300 lớp ở tất cả các cấp học*.* Từ năm 2018 đến nay đã thực hiện sáp nhập 102 cơ sở giáo dục*.* Theo đó, thay đổi quy hoạch mạng lưới trường lớp theo chiều hướng giảm trường, lớp**[[3]](#footnote-3)**; có 24 trường mầm non ngoài công lập được thành lập và đi vào hoạt động; 100% xã có Trung tâm học tập cộng đồng.

+ Đối với hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX):có 8 huyện, thành phố thành lập Trung tâm GDNN-GDTX và được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nghề sơ cấp, dạy nghề dưới 3 tháng; liên kết với các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh mở các lớp sơ cấp nghề, đào tạo tiếng dân tộc thiểu số, tiếng Anh, tin học, đào tạo theo địa chỉ cho một số doanh nghiệp.

+ Năm học 2019-2020, Trường Cao đẳng Cộng đồng đào tạo 1.273 HSSV hệ trung cấp, cao đẳng; phối hợp đào tạo liên kết, liên thông các trình độ cho 1.546 học viên; sơ cấp, bồi dưỡng khác với hơn 3.000 học viên.

+ Giáo dục dân tộc:Toàn tỉnh có 10 trường Phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) và 51 trường Phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT). Cơ sở vật chất cho các trường được đầu tư cơ bản đảm bảo giảng dạy, học tập và sinh hoạt của học sinh nội trú, bán trú. Các chính sách cho trường nội trú, bán trú và học sinh nội trú, bán trú được thực hiện đầy đủ và kịp thời.

**- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên:** Toàn tỉnh có 11.879 CBQL, GV, NV các cấp học mầm non đến phổ thông *(995 CBQL, 9.573 GV, 1.311 NV);* bố trí tỷ lệ giáo viên/lớp hiện nay cơ bản đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy. Đến thời điểm giám sát, tỷ lệ giáo viên các bậc học đạt chuẩn và trên chuẩn đều đạt chỉ tiêu của Nghị quyết *(đánh giá theo Luật Giáo dục 2005*).

**- Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia:** Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 175 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra**[[4]](#footnote-4)**.

**- Kinh phí thực hiện quy hoạch:** Tổng kinh phí bố trí thực hiện quy hoạch 16.612.866 triệu đồng. Trong đó,giai đoạn 2011-2015: 6.959.542 triệu, đạt 81,9% so với quy hoạch; giai đoạn 2016-2020: 9.653.324 triệu, đạt 72,9% so với quy hoạch.

**2. Hạn chế, khó khăn và nguyên nhân**

**2.1. Hạn chế, khó khăn**

- Nhiều chỉ tiêu của nghị quyết không đạt được *(chiếm khoảng 50% tổng số các chỉ tiêu của nghị quyết)*. Các chỉ tiêu không đạt như: Tỷ lệ huy động trẻ dưới 3 tuổi**[[5]](#footnote-5)**; dạy học 2 buổi/ngày**[[6]](#footnote-6)**; dạy học tiếng Anh chương trình mới ở học sinh lớp 3, lớp 6 và lớp 10**[[7]](#footnote-7)**; dạy môn Tin học cấp Tiểu học và THCS**[[8]](#footnote-8)**.

- Việc đề ra chỉ tiêu thấp hơn so với nghị quyết của HĐND tỉnh nhưng chưa báo cáo điều chỉnh kịp thời**[[9]](#footnote-9)**. Một số chỉ tiêu đề ra chưa sát với thực tế như: huy động trẻ dưới 3 tuổi ra lớp, xây dựng trường mầm non đạt chuẩn mức độ 2. - Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhiều trường vừa thiếu, vừa chưa đồng bộ, nguy cơ xuống cấp cao; các phòng chức năng và các phương tiện dạy học chưa đảm bảo số lượng, chưa đồng bộ. Nhiều trường học, công tác vệ sinh chưa đảm bảo, thiếu nước sạch. Công tác giáo dục ở một số địa phương có địa bàn rộng, chia cắt, dân cư phân tán còn nhiều hạn chế. Thực hiện việc sắp xếp lại các cơ sở giáo dục hiện nay chưa có tác động chuyển biến đáng kể trong hiệu quả giảng dạy, nâng cao chất lượng học sinh. Kết quả thực hiện xã hội hóa giáo dục ở các địa phương chưa đồng đều, một số địa phương không phát triển được loại hình trường ngoài công lập.

- Công tác xây dựng trường PTDTNT đạt chuẩn quốc gia còn khó khăn, chưa đạt tiêu Nghị quyết; phát triển hệ thống trường PTDTBT còn hạn chế**[[10]](#footnote-10)**. Hiện nay, một số trường còn phòng học tạm, mượn, nhờ, cơ sở vật chất phục vụ cho bán trú chưa đáp ứng so với nhu cầu.

- Việc bố trí giáo viên và nhân viên còn nhiều bất cập: Hầu hết các địa phương phản ánh thiếu giáo viên mầm non, thiếu giáo viên ở một số bộ môn đặc thù, đơn môn cấp Tiểu học. Nhân viên trường học chưa đảm bảo, một số trường không được bố trí nhân viên trường học; chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP đã được phân về cho các huyện**[[11]](#footnote-11)** đến thời điểm giám sát, một số huyện chưa triển khai. Một số huyện phân bổ định mức chi thường xuyên tính trên đầu giáo viên rất thấp, khó khăn trong tổ chức, điều hành hoạt động của nhà trường. Thực hiện Luật Giáo dục 2019, số giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn ở các cấp học giảm xuống**[[12]](#footnote-12)**.

- Hoạt động GDTX chưa được quan tâm đúng mức, sử dụng cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy các lớp bổ túc văn hóa ở mỗi địa phương còn bất cập, số lượng học viên ở các trung tâm rất ít, cá biệt có đơn vị tuyển không đủ mở riêng lớp, chất lượng đầu vào thấp, công tác duy trì sỹ số học sinh chưa được đảm bảo, tỷ lệ tốt nghiệp còn thấp. Đối với hoạt động GDNN còn hạn chế, một số trung tâm chưa phát huy tối đa hiệu quả cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy nghề đã được đầu tư. Công tác quản lý, điều hành của các trung tâm chồng chéo, chế độ đối với cán bộ quản lý, giáo viên còn nhiều bất cập, khó khăn nhiều trong việc liên kết, ký kết chương trình đào tạo với các cơ sở khác.

- Tỷ lệ học sinh bỏ học vào thời điểm vụ mùa còn cao, một số trường thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ DTTS chưa hiệu quả; tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số tham gia học Tiếng Anh theo chương trình mới còn thấp. Hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng chưa phát huy hiệu quả, hầu hết các huyện không đánh giá được hoạt động của trung tâm khi đoàn giám sát yêu cầu.

- Nguồn tuyển sinh các lớp chính quy hệ trung cấp, cao đẳng tại Trường Cao đẳng cộng đồng chưa đạt chỉ tiêu tuyển sinh giao hàng năm, trong khi ngân sách cấp để trả lương cho cán bộ giáo viên dựa trên số lượng sinh viên được tuyển hệ chính quy, chưa đảm bảo cho trả lương và chi các hoạt động khác của nhà trường; chưa phối hợp tốt với các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh để làm công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS, THPT tham gia học tại trường.

- Chỉ tiêu xây dựng trường mầm non chuẩn quốc gia mức độ 2 và Trường PTDTNT không đạt được**[[13]](#footnote-13)**. Nhiều trường đã công nhận đạt chuẩn nhưng vẫn còn tình trạng nợ tiêu chí; lúng túng trong thực hiện thủ tục đề nghị công nhận trường đạt chuẩn quốc gia sau khi sáp nhập lại.

- Bố trí ngân sách nhà nước chưa đảm bảo cho quy hoạch**[[14]](#footnote-14)**. Nguồn thu xã hội hóa tăng chậm và tỷ trọng nguồn xã hội hóa giảm so với giai đoạn trước**[[15]](#footnote-15)**. Nguồn thu từ học phí hạn chế, một số địa phương tỷ lệ thu đạt thấp.

**2.2. Nguyên nhân**

*- Nguyên nhân chủ quan:*

**+** Các cấp chính quyền và ngành giáo dục ở một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến một số hoạt động của giáo dục và đào tạo như: Hoạt động trung tâm học tập cộng đồng, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp; chưa có giải pháp linh hoạt việc sử dụng cơ sở vật chất đã đầu tư và đội ngũ giáo dục của địa phương để phát huy tối đa hiệu quả và nâng chất lượng giáo dục trên địa bàn.

+ Một số cơ sở đào tạo chưa kịp thời đổi mới các hoạt động giáo dục và đào tạo, nhất là các giải pháp phân luồng học sinh từ bậc THCS, THPT chủ động liên kết, liên thông các cấp học để đảm bảo nguồn tuyển sinh.

*- Nguyên nhân khách quan:*

+ Một số địa phương có địa bàn rộng, dân cư phân tán, quy mô trường lớp nhỏ lẻ, phân tán. Vì vậy, công tác đầu tư cơ sở vật chất, quản lý, dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện còn hạn chế.

+ Phân bổ chỉ tiêu biên chế sự nghiệp giáo dục chưa đảm bảo theo quy định**[[16]](#footnote-16)** và quy mô mạng lưới trường, lớp và học sinh.

+ Công tác thu hút doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn chưa tạo bước đột phá trong sử dụng lao động địa phương. Phần lớn doanh nghiệp hoạt động với quy mô vừa và nhỏ, ngành nghề kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, hoạt động theo mùa vụ. Do đó, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp rất hạn chế.

**3. Kiến nghị, đề xuất**

Thường trực HĐND tỉnh thống nhất với giải pháp của UBND tỉnh để khắc phục những hạn chế, khó khăn trong thời gian tới. Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh:

(1) Chỉ đạo các sở, ngành và chính quyền các cấp có giải pháp tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nội dung của quy hoạch. Rà soát quy hoạch, kế hoạch và điều chỉnh các chỉ tiêu phù hợp với các quy định của Trung ương và tình hình thực tế của địa phương trong giai đoạn tới.

(2) Chỉ đạo ngành giáo dục:

- Rà soát nhu cầu cơ sở vật chất trường lớp và trang thiết bị dạy học của từng cấp học, từng địa phương để có lộ trình đầu tư đồng bộ, nhất là ưu tiên đầu tư hệ thống nhà vệ sinh và cấp nước sạch, phòng học, phòng chức năng và hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin để nâng tỷ lệ số cơ sở giáo dục và học sinh được học tiếng Anh chương trình mới, Tin học, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và nhu cầu dạy học 2 buổi/ngày.

- Đánh giá lại hệ thống trường PTDTNT và trường PTDTBT để sắp xếp, có lộ trình phát triển phù hợp ở những địa bàn thật sự đủ điều kiện. Nghiên cứu về mô hình trường thực hành sư phạm ở các cấp học như hiện nay để có phương án quản lý phù hợp; có kế hoạch phối hợp với cơ sở đào tạo đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên đạt chuẩn trình độ theo Luật Giáo dục 2019.

(3) Chỉ đạo ngành Lao động, Thương binh và xã hội: Phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, đánh giá lại hiệu quả sử dụng trang thiết bị dạy nghề đã được đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, sớm có kế hoạch đầu tư, trang bị mới; điều chuyển hoặc phương án sửa chữa trang thiết bị dạy nghề, nhất là những trang thiết bị dạy các nghề phi nông nghiệp, đã được đầu tư quá lâu, đến nay không còn phù hợp để nâng cao chất lượng dạy nghề, thu hút học viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

(4) Chỉ đạo các huyện, thành phố:

- Rà soát lại biên chế viên chức đã phân bổ cho từng địa phương, theo hướng căn cứ quy định định mức giáo viên và quy mô học sinh để sắp xếp, bố trí điều tiết hợp lý trong chỉ tiêu biên chế được giao trên địa bàn đảm bảo yêu cầu giảng dạy trong tình hình hiện nay.Mặt khác có kế hoạch tuyển dụng hết số chỉ tiêu biên chế đã giao, ưu tiên tuyển dụng giáo viên đơn môn để tiếp tục thực hiện các chỉ tiêu chưa đạt trong giai đoạn 2016-2020 như dạy 2 buổi/ngày, dạy học tiếng Anh và Tin học.

- Chỉ đạo các địa phương thực hiện đồng bộ Nghị quyết 32/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Kon Tum năm 2020 đối với chỉ tiêu giáo dục - đào tạo; cân đối kinh phí chi thường xuyên hàng năm cho các cơ sở giáo dục công lập đảm bảo phù hợp giữa các địa phương và hoạt động của nhà trường.

- Đánh giá lại hiệu quả mô hình tổ chức và hoạt động của Trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn, thực hiện tốt phân luồng học sinh từ cấp THCS để định hướng, tư vấn hướng nghiệp dạy nghề; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo có phương án sử dụng số biên chế giáo viên hệ bổ túc văn hóa tại Trung tâm phục vụ mục tiêu giáo dục đào tạo chung trên địa bàn.

(5) Đối với việc đề nghị HĐNDban hành Nghị quyết về Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2025 nhằm thực hiện Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 – 2025, UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng xây dựng, trình HĐND tỉnh xem xét quyết định.

(6) Sớm xem xét, giải quyết hoặc chỉ đạo các sở ngành giải quyết kiến nghị của các địa phương, đơn vị*.*

**II. Ban Pháp chế giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh “về việc thông qua Đề án tổ chức, xây dựng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017 – 2020”**

**1. Kết quả đạt được**

**- Công tác triển khai thực hiện:** Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác dân quân tự vệ trong tình hình mới; đã chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự các cấp trong tỉnh tham mưu, giúp cấp ủy cùng cấp tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các văn bản có liên quan*[[17]](#footnote-17)* và chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương xây dựng lực lượng dân quân tự vệ có quy mô, số lượng hợp lý; xây dựng kế hoạch hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ; xây dựng quy chế, kế hoạch phối hợp hoạt động của dân quân tự vệ với các lực lượng như: Công an, Biên phòng, Kiểm lâm…; tổ chức huấn luyện theo kế hoạch; lập dự phù kinh phí cho nhiệm vụ huấn luyện, hoạt động, sẵn sàng chiến đấu.

**- Kết quả cụ thể:**

Nhiều địa phương đã quan tâm tổ chức xây dựng lực lượng; đào tạo, bố trí sử dụng cán bộ gắn với việc củng cố, kiện toàn Ban chỉ huy quân sự cấp xã; đầu tư mua sắm trang thiết bị, bố trí nơi làm việc; trang bị công cụ hỗ trợ cho lực lượng dân quân tự vệ để thực thi nhiệm vụ được giao.

Lực lượng dân quân tự vệ được tổ chức chặt chẽ, thường xuyên được củng cố, kiện toàn về số lượng và chất lượng, nhất là lực lượng dân quân thường trực. Đến nay, hầu hết các xã, phường, thị trấn đã củng cố Ban chỉ huy quân sự([[18]](#footnote-18)). Lực lượng dân quân tự vệ thực hiện tốt các quy định của pháp luật, hoạt động có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là lực lượng dân quân thường trực ở 17 xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh.

Cùng với việc xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, các cấp ủy đảng, chính quyền đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực và tinh thần sẵn sàng chiến đấu trong lực lượng dân quân tự vệ. Hiện nay, 100% xã, phường, thị trấn có chi bộ quân sự. Trong đó: 86 chi bộ có cấp ủy, đạt 84,31%; 100% xã, phường, thị trấn có chi đoàn dân quân.

Cơ cấu thành phần, quy mô tổ chức xây dựng lực lượng được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và Ban chỉ huy quân sự các cấp thực hiện theo đúng quy định. Công tác huấn luyện có đổi mới về nội dung; phương pháp huấn luyện phù hợp với từng đối tượng, sát với tình hình thực tế của địa phương. Quân số huấn luyện đạt trên 85% *(riêng dân quân tự vệ, dân quân cơ động, dân quân thường trực năm thứ nhất huấn luyện đạt 100% quân số)*. Việc sử dụng vũ khí, đạn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ cho nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập hàng năm được quản lý chặt chẽ, đúng quy định.

Ngoài ra, lực lượng dân quân tự vệ còn tham gia phối hợp thực hiện tốt công tác tuần tra, bảo vệ vùng biên, cột mốc; phòng chống cháy rừng, bảo vệ rừng; giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương và làm tốt công tác bảo vệ Đảng, chính quyền ở địa phương và cơ sở.

**2. Những hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân**

**2.1. Hạn chế, khuyết điểm**

- Nhà làm việc, nơi nghỉ ngơi cho dân quân ở một số xã, phường, thị trấn chưa bảo đảm theo Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của UBND tỉnh([[19]](#footnote-19)). Đến nay, có 32/102 xã xây dựng nhà ở, nhà làm việc riêng cho lực lượng dân quân. 100% xã, phường, thị trấn chưa có thao trường huấn luyện; công cụ hỗ trợ huấn luyện chưa được quan tâm trang bị đầy đủ và bảo quản chưa tốt.

- Về tỷ lệ đảng viên, tỷ lệ đoàn viên trong lực lượng dân quân tự vệ đều không đạt mục tiêu Nghị quyết số 79 đề ra([[20]](#footnote-20)). Đảng viên trong thôn đội trưởng *(đạt tỷ lệ 43,36%)*, đảng viên trong Tiểu đội trưởng dân quân cơ động *(đạt tỷ lệ 17,5%)*, đảng viên trong Tiểu đội trưởng dân quân thường trực *(đạt tỷ lệ 47,05%)* ([[21]](#footnote-21)).

- Một số xã, phường, thị trấn chậm kiện toàn Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự; trình độ đào tạo còn thấp([[22]](#footnote-22)) . Việc củng cố, kiện toàn lực lượng tự vệ trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chưa được quan tâm đầy đủ, đúng mức.

- Chất lượng huấn luyện và hoạt động; khả năng huy động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ khi xử lý các tình huống theo chức năng, nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ ở cơ sở có mặt hạn chế. Công tác đăng ký, quản lý lực lượng dân quân tự vệ đi làm ăn xa, nhất là lực lượng dân quân tự vệ ở các doanh nghiệp đóng chân tại các địa phương với chính quyền cấp xã chưa được quản lý chặt chẽ, đầy đủ.

- Ở một số địa phương, ngân sách nhà nước bố trí cho lực lượng dân quân tự vệ hoạt động chưa bảo đảm theo quy định. Việc thực hiện một số chế độ chính sách đối với dân quân tự vệ chưa đầy đủ, kịp thời.

**2.2. Nguyên nhân**

**- Nguyên nhân khách quan**

+ Ngân sách tỉnh còn khó khăn nên hỗ trợ cho công tác huấn luyện, trang bị các công cụ hỗ trợ, xây dựng nhà làm việc riêng và triển khai thực hiện các hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ còn hạn chế.

+ Công tác phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân gặp rất nhiều khó khăn do vướng các quy định hiện hành[[23]](#footnote-23)

**- Nguyên nhân chủ quan**

+ Công tác phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Nghị quyết 79 của HĐND tỉnh về dân quân tự vệ chưa thật sâu rộng và đầy đủ. Nội dung, cách thức phổ biến, tuyên truyền chưa phù hợp với trình độ nhận thức, phong tục tập quán và đặc điểm của từng địa phương.

+ Sự phối hợp giữa Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy quân sự các huyện và thành phố với các cơ quan hữu quan có lúc có nơi chưa chặt chẽ, kịp thời; Công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn của Ban chỉ huy quân sự tại các huyện với cấp ủy, chính quyền cấp xã, với các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý chưa được thường xuyên, đầy đủ, sâu sát, nhất là đối với lực lượng tự vệ trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

+ Công tác phối hợp giữa doanh nghiệp với chính quyền cấp xã trong việc rà soát, đăng ký số người tham gia lực lượng dân quân tự vệ chưa chặt chẽ.

**3. Đề xuất, kiến nghị**

**- Đối với HĐND tỉnh:** xem xét ban hành nghị quyết mới về dân quân tự vệ nhằm triển khai thực hiện Luật Dân quân tự vệ năm 2019 và Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ.

- **Đối với UBND tỉnh**

+ Tổ chức tổng kết việc thực hiện đề án theo Nghị quyết 79 của HĐND tỉnh. Chỉ đạo cơ quan liên quan khẩn trương xây dựng đề án mới theo đúng quy trình, quy định của pháp luật hiện hành trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết về dân quân tự vệ theo khoản 2 Điều 44 Luật Dân quân tự vệ năm 2019.

+ Chỉ đạo chính quyền các cấp phối hợp với ngành chức năng nghiên cứu bố trí quỹ đất để xây dựng thao trường huấn luyện. Đối với cấp xã, đề nghị nghiên cứu xây dựng thao trường theo cụm để tránh lãng phí đất đai.

+ Chỉ đạo UBND các cấp và cơ quan liên quan hằng năm dự toán bảo đảm kinh phí huấn luyện và hoạt động đối với lực lượng dân quân tự vệ, nhất là ở 17 xã trọng điểm về quốc phòng - an ninh.

+ Tiếp tục quan tâm triển khai xây dựng nhà ở cho Ban chỉ huy quân sự cấp xã theo Quyết định số 1171/QĐ - UBND ngày 12/12/2012 của UBND tỉnh.

**- Đối với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh**

+ Khẩn trương tham mưu cấp ủy, chính quyền phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Luật Dân quân tự vệ năm 2019 và Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ; xúc tiến xây dựng đề án, báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh đúng quy định.

+ Chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự các huyện, thành phố: Tăng cường công tác phối hợp với cấp ủy, chính quyền cơ sở làm tốt hơn nữa công tác phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ; củng cố, kiện toàn Ban chỉ huy quân sự cấp xã, nhất là ở những xã, phường, thị trấn còn khuyết Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng; bố trí Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã phải là công chức bảo đảm đúng pháp luật hiện hành; Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn về tổ chức, hoạt động, việc thực hiện các chế độ chính sách, việc trang bị công cụ hỗ trợ cần thiết, kịp thời ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật, tránh bị động, bất ngờ khi có tình huống xảy ra; Rà soát kiện toàn Tiểu đội tự vệ ở các cơ quan, đơn vị theo quy định; hỗ trợ, hướng dẫn các xã, phường, thị trấn quản lý chặt chẽ lực lượng dân quân tự vệ đi làm ăn xa, làm tốt công tác đăng ký, quản lý lực lượng dân quân tự vệ tại chỗ; tập huấn cho lực lượng tự vệ ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; Quan tâm hướng dẫn việc thực hiện chế độ bảo hiểm y tế cho dân quân thường trực khi đương làm nhiệm vụ; phụ cấp dân quân thường trực khi hoàn thành nhiệm vụ; Phối hợp với cấp ủy, chính quyền kiểm tra, đầu tư nâng cấp hoặc xây nhà làm việc mới cho Ban chỉ huy quân sự cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

**- Đối với UBND huyện, thành phố**

+ Quan tâm đầu tư, sửa chữa nâng cấp nhà làm việc, phòng làm việc cho Ban chỉ huy quân sự cấp xã, hỗ trợ kinh phí hoạt động, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định.

+ Bố trí quỹ đất dành cho thao trường, bãi tập của lực lượng dân quân tự vệ, có thể theo cụm xã, phường, thị trấn nhằm đảm bảo nơi tập luyện ổn định và an toàn.

+ Rà soát tuyển dụng biên chế công chức cấp xã nói chung và công chức để bổ nhiệm Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là Báo cáo kết quả qua giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong 6 tháng cuối năm 2020./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thường trực HĐND tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;  - Lưu: VT, TH. | **TM. THƯỜNG TRỰC HĐND**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Đã ký**  **Nghe Minh Hồng** |

1. **()** Nghị quyết 09/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014; Nghị quyết 86/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016. [↑](#footnote-ref-1)
2. **()** Chỉ tiêu huyện, thành phố công nhận được công nhận phổ cập trung học. [↑](#footnote-ref-2)
3. **()** Quy hoạch đến 2020 có 541 trường/8.247 lớp, thực hiện 464 trường/6.300 lớp, giảm 77 trường và 1.947 lớp. [↑](#footnote-ref-3)
4. **()** Mầm non đạt 40,4%; Tiểu học đạt 60,5%; THCS đạt 40,5%; THPT đạt: 46,4%. [↑](#footnote-ref-4)
5. **()** Tỷ lệ huy động trẻ dưới 3 tuổi còn thấp (đến 2015: chỉ tiêu trên 20%, thực hiện 14,5%; đến 2020 chỉ tiêu trên 30%, thực hiện 15,35%). Một số huyện tỷ lệ huy động rất thấp (Đăk Hà 8,86%, ĐăkGlei 5,7%, Kon Rẫy 13%, KonPlong 13%). [↑](#footnote-ref-5)
6. () Tỷ lệ dạy 2 buổi/ngày: Sa Thầy 35,7%, Đăk Hà 36,18% [↑](#footnote-ref-6)
7. () Số học sinh được học Anh văn chương trình mới ở cấp phổ thông: cấp Tiểu học *(chỉ tiêu 70%, thực hiện 48,6%).* Riêng học sinh lớp 3 *(chỉ tiêu 100%, thực hiện 47,6%),* Học sinh lớp 6 *(chỉ tiêu 70%, thực hiện 31,1%)*. Lớp 10 *(chỉ tiêu 70%, thực hiện 22,6*%). [↑](#footnote-ref-7)
8. () Tiểu học: Số học sinh được học tin học *(chỉ tiêu trên 70%, thực hiện 19,31%).* THCS: Số học sinh được học tin học *(chỉ tiêu 100%, thực hiện 73,9%).* [↑](#footnote-ref-8)
9. ()Tại Kế hoạch số 535/KH-UBND ngày 12/3/2019 của UBND tỉnh về hoạch triển khai thực hiện Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân” trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2019-2025, trong đó có quy định khác với quy hoạch, cụ thể: Phấn đấu đến năm 2020, có 65,7% học sinh lớp 3 (tại Quy hoạch 100%), 32,1% học sinh lớp 6 (tại Quy hoạch 70%) và 23,8% học sinh lớp 10 học tiếng Anh hệ 10 năm (tại Quy hoạch 70%). [↑](#footnote-ref-9)
10. () Quy hoạch trường PTDTBT đến 2015 là 71 trường, trong đó: Tiểu học 28 trường,, THCS 43 trường. Thực hiện đến 2020: 51 trường. [↑](#footnote-ref-10)
11. Quyết định 163/QĐ-UBND, ngày 25/2/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2020. [↑](#footnote-ref-11)
12. Theo Luật Giáo dục mới năm 2019, tỷ lệ giáo viên các cấp đạt chuẩn giảm: mầm non: 15,83%; Tiểu học: 28,77%; THCS: 15,84%. [↑](#footnote-ref-12)
13. () Xây dựng trường chuẩn quốc gia mức độ 2 mới thực hiện có 06/136 trường, đạt 4,41% (quy hoạch 25%), đối với Trường PTDTNT mới đạt 3 trường (quy hoạch 5 trường) [↑](#footnote-ref-13)
14. () giai đoạn 2011-2015 đạt 84,8%, giai đoạn 2016-2020 đạt 82,2%. [↑](#footnote-ref-14)
15. Nguồn thu xã hội hóa tăng chậm (2011-2015: 207.034 triệu, 2016-2020: 228.721 triệu). Tỷ trọng nguồn xã hội hóa giảm (2011-2015: 3,4%, 2016-2020: 2,6%) [↑](#footnote-ref-15)
16. Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ-Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

    [↑](#footnote-ref-16)
17. ()Kết luận số 41-KL/TW ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 16-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng *(Khóa IX)* về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên trong tình hình mới; Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14; Luật Dân quân tự vệ năm 2009; Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ; Nghị quyết số 79 của HĐND tỉnh; các văn bản của bộ, ngành Trung ương và địa phương về công tác dân quân tự vệ. [↑](#footnote-ref-17)
18. ()Trong đó có 85 Ban chỉ huy quân sự cấp xã *(không phải xã trọng điểm về quốc phòng an ninh)* bố trí 04 đồng chí; 17 Ban chỉ huy quân sự xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh bố trí 05 đồng chí; 47 Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức và 45 đầu mối tự vệ; 12 Ban chỉ huy quân sự tổ chức, doanh nghiệp [↑](#footnote-ref-18)
19. () Như: Đã xuống cấp *(phường Quyết Thắng);* chật chội *(xã Măng Cành)…;* giường ngủ của Tiểu đội Thường trực BCHQS xã Đăk Nhoong không bảo đảm, dễ gãy, sập. [↑](#footnote-ref-19)
20. () Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng Dân quân 16,04%; tỷ lệ đảng viên trong lực lượng Tự vệ 47,15%. Tỷ lệ đoàn viên trong lực lượng Dân quân 56,88%; tỷ lệ đoàn viên trong lực lượng Tự vệ đạt 46,42%. [↑](#footnote-ref-20)
21. () Nghị quyết số 79 quy định: “Phấn đấu có 100% Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng dân quân cơ động, Tiểu đội trưởng dân quân cơ động, Tiểu đội trưởng dân quân thường trực là đảng viên”. [↑](#footnote-ref-21)
22. () Tỉ lệ Chỉ huy trưởng đạt trình độ cao đẳng, đại học còn thấp khoảng 8% so với chỉ tiêu Nghị quyết là 35%. Tỉ lệ Phó chỉ huy trưởng có trình độ từ trung cấp trở lên đạt 56% so với chỉ tiêu Nghị quyết là 80%; Phó Chỉ huy trưởng chưa qua đào tạo chuyên môn về quân sự còn nhiều *(chiếm 34,32%)*. [↑](#footnote-ref-22)
23. ()quy định về trình độ học vấn; một số thủ tục; thời gian tham gia dân quân ngắn, hết thời gian thử thách cũng gần hết thời gian tham gia dân quân...và tâm lý của các đối tượng. [↑](#footnote-ref-23)